

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI,
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2019/HSST
Ngày: 26-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hợp;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Việt Thắng;

Ông Bùi Xuân Minh.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Cẩm Hương là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 98/2019/TLST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Trương Thị Thu T; tên gọi khác: Không; sinh năm 1993 tại: tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Khóm 4, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn H và bà Nguyễn Thị Bích N; có chồng là Huỳnh Tiểu M và 03 con (nhất nhất sinh năm 2017); tiền án: Ngày 20 tháng 2 năm 2012 bị Tòa án huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xử phạt 2 năm tù cho hưởng án treo, chấp hành án treo xong ngày 20 tháng 2 năm 2016, chưa chấp hành phần nghĩa vụ dân sự; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, từ ngày 28 tháng 9 năm 2019; có mặt.

- Bị hại:

1. Bà Huỳnh Thanh B, sinh năm 1968. Địa chỉ: Khóm 4, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

2. Bà Vũ Thị L, sinh năm 1970. Địa chỉ: Khóm 10, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

3. Bà Trương Ngọc T, sinh năm 1972. Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn, huyện T, tỉnh Cà Mau. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T, sinh năm 1969. Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt

4. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1979. Địa chỉ: Khóm 6A, thị trấn, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

5. Bà Dư Thị T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Khóm 6A, thị trấn, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1960. Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn, huyện T, tỉnh C.; có mặt.

7. Bà Trần Thị T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Khóm 6A, thị trấn, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Vũ L, sinh năm 1997. Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lợi dụng sơ hở của các nạn nhân, từ ngày 25 tháng 5 năm 2019 đến ngày 02 tháng 9 năm 2019, Trương Thị Thu T đã thực hiện 07 vụ trộm của 07 nạn nhân trên địa bàn thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời. Sau khi trộm cắp được, T mang tài sản đến bán cho tiệm điện thoại của Trần Vũ L ở khóm 7 thị trấn Sông Đốc, nói là bán cho người quen. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 17 giờ ngày 25 tháng 5 năm 2019 T đến tiệm tạp hóa của bà Huỳnh Thanh B, ở khóm 4 thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, giả vờ hỏi mua đồ sau đó phát hiện điện thoại OPPO của bà B để trên ghế cạnh phòng ngủ, T lén lấy trộm và bán cho ông L với giá 1.600.000 đồng.

Vụ thứ 2: Khoảng 11 giờ ngày 31 tháng 5 năm 2019, T đến tiệm bán chăn màn của bà Vũ Thị L ở khóm 10 thị trấn Sông Đốc, để giả vờ mua đồ, sau đó phát hiện điện thoại Iphone 7 của bà L để trên giàn máy may, T lén lấy trộm và bán cho ông L với giá 1.000.000 đồng.

Vụ thứ 3: Khoảng 11 giờ ngày 21 tháng 6 năm 2019 T đến tiệm tạp hóa của bà Trương Ngọc T ở khóm 7 thị trấn Sông Đốc, giả vờ mua đồ, sau đó phát hiện chiếc điện thoại Samsung J6 của bà T để trên kệ sách ở trong nhà, T lén lấy trộm và bán cho ông L với giá 1.500.000 đồng.

Vụ thứ 4: Khoảng 16 giờ ngày 02 tháng 8 năm 2019, T đến tiệm tạp hóa của bà Nguyễn Thị C ở khóm 6A, thị trấn Sông Đốc, phát hiện điện thoại Samsung J7 của bà C để trên kệ bán tạp hóa, T lén lấy trộm và bán cho ông L nhưng không nhớ bán được

bao nhiêu.

Vụ thứ 5: Khoảng 9 giờ ngày 20 tháng 8 năm 2019 T đến tiệm may của bà Dư Thị T ở khóm 6A, thị trấn Sông Đốc giả vờ mua vải, sau đó phát hiện điện thoại Samsung Galaxi J6 của bà T để trên bàn cắt vải, T lén lấy trộm và bán cho ông L với giá 1.800.000 đồng.

Vụ thứ 6: Khoảng 12 giờ ngày 26 tháng 8 năm 2019 T đến tiệm tạp hóa của bà Nguyễn Thị N ở khóm 7, thị trấn Sông Đốc, phát hiện chiếc điện thoại Philip của bà N để tại nền gạch nhà của bà N, T lén lấy trộm và bán cho ông L với giá 400.000 đồng.

Vụ thứ 7: Khoảng 13 giờ ngày 2 tháng 9 năm 2019 T đến tiệm tạp hóa của bà Trần Thị T, ở khóm 6A, thị trấn Sông Đốc, phát hiện điện thoại Samsung A50 của bà Tú để trên kệ. Trang lén lấy trộm đưa đến bán cho ông L nhưng không nhớ bao nhiêu.

Kết luận định giá số 49/BB KL ngày 11 tháng 9 năm của Hội đồng định giá UBND huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, kết luận: Chiếc điện thoại OPPO F3 của bà Huỳnh Thanh B trị giá 4.543.000 đồng; chiếc điện thoại IPHON của bà Vũ Thị L trị giá 10.325.000 đồng; chiếc điện thoại Samsung J6 của bà Trương Ngọc T trị giá 4.076.000 đồng; chiếc điện thoại Samsung J7 của bà Nguyễn Thị C trị giá 4.661.000 đồng; chiếc điện thoại Samsung J6 của bà Dư Thị T trị giá 3.911.000 đồng; chiếc điện thoại Philip của bà Nguyễn Thị N trị giá 1.042.000 đồng; chiếc điện thoại Samsung A50 của bà Trần Thị T trị giá 6.873.000 đồng. Tổng giá trị của 7 chiếc điện thoại là 35.431.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 103/CT-VKS ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo Trương Thị Thu T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trương Thị Thu T từ 01 năm đến 02 năm tù. Về phần dân sự, đề nghị áp dụng các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo bồi thường cho các bị hại theo quy định của pháp luật. Đối với Trần Vũ L không liên quan đến việc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên không xử lý.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị hại yêu cầu bị cáo T bồi thường thiệt hại cụ thể như sau: Bà Huỳnh Thanh B yêu cầu bồi thường 6.690.000 đồng; bà Vũ Thị L yêu cầu bồi thường 10.500.000 đồng; bà Trương Ngọc T yêu cầu bồi thường 4.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị C yêu cầu bồi thường 3.000.000 đồng; bà Dư Thị T không yêu cầu do bị cáo đã bồi thường xong; bà Nguyễn Thị N yêu cầu bồi thường 1.042.000 đồng; bà Trần Thị T yêu cầu bồi thường 6.990.000 đồng, bị cáo đã bồi thường được 4.750.000 đồng nên tiếp tục bồi thường cho bà T số tiền 2.240.000 đồng. Về trách nhiệm hình sự, các bị hại đề nghị xem xét theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Trương Thị Thu T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thống nhất với yêu cầu bồi thường của các bị hại. Bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, chỉ yêu cầu Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra các chứng cứ có trong hồ sơ, nghe lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trần Văn Thời, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục mà Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ thể hiện: Lợi dụng sơ hở của các bị hại, bị cáo Trương Thị Thu T đã cố ý lén lút lấy trộm 07 chiếc điện thoại của các bị hại, chiếc điện thoại OPPO F3 của bà Huỳnh Thanh B trị giá 4.543.000 đồng; chiếc điện thoại IPHON của bà Vũ Thị L trị giá 10.325.000 đồng; chiếc điện thoại Samsung J6 của bà Trương Ngọc T trị giá 4.076.000 đồng; chiếc điện thoại Samsung J7 của bà Nguyễn Thị C trị giá 4.661.000 đồng; chiếc điện thoại Samsung J6 của bà Dư Thị T trị giá 3.911.000 đồng; chiếc điện thoại Philip của bà Nguyễn Thị N trị giá 1.042.000 đồng; chiếc điện thoại Samsung A50 của bà Trần Thị T trị giá 6.873.000 đồng. Tổng giá trị của 7 chiếc điện thoại là 35.431.000 đồng. Hành vi của bị cáo T đã xâm phạm đến quyền sở hữu của các bị hại, là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo trên 18 tuổi và đủ khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của mình nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời truy tố bị cáo T theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặc dù bị cáo có khắc phục được tổng số tiền 7.750.000 đồng nhưng số tiền khắc phục là rất nhỏ so với thiệt hại của các bị hại nên không xem xét áp dụng tình tiết người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại; bị cáo hiện có hoàn cảnh gia đình khó khăn, các con bị cáo còn nhỏ, do đó cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự khi lượng hình. Bị

cáo thực hiện 07 lần phạm tội trong đó có 06 lần đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Ngày 20 tháng 2 năm 2012 bị Tòa án huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xử phạt 2 năm tù cho hưởng án treo, chấp hành án treo xong ngày 20 tháng 2 năm 2016 nhưng chưa chấp hành xong phần trách nhiệm dân sự, như vậy bị cáo chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Đây là dạng tội, ngoài hình phạt chính còn có thể áp dụng hình phạt tiền bổ sung được quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự nhưng bị cáo không có thu nhập, nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[5] Sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy: Lẽ ra sau khi bị xét xử vào ngày 20 tháng 2 năm 2012 bị cáo T phải biết ăn năn hối cải, nhưng rõ ràng bị cáo hoàn toàn không có ý định sửa chữa, khắc phục sai phạm trước mà ngược lại còn tiếp tục phạm tội sau, thể hiện tính chất nguy hiểm, mức độ nghiêm trọng hơn của tội phạm. Cho nên cần phải xử phạt nghiêm lần phạm tội này, buộc bị cáo cách ly khỏi xã hội để có thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích và phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

[6.1] Xét yêu cầu bồi thường của bà Huỳnh Thanh B, bà Vũ Thị L, bà Trần Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Chiếc điện thoại OPPO F3 của bà Huỳnh Thanh B trị giá 4.543.000 đồng nhưng bà B yêu cầu bồi thường 6.690.000 đồng; chiếc điện thoại Iphone của bà Vũ Thị L trị giá 10.325.000 đồng nhưng bà L yêu cầu bồi thường 10.500.000 đồng; chiếc điện thoại Samsung A50 của bà Trần Thị T trị giá 6.873.000 đồng nhưng bà T yêu cầu bồi thường 6.990.000 đồng. Xét thấy yêu cầu bồi thường thiệt hại của các bị hại cao hơn thiệt hại thực tế mà bị cáo T đã gây ra, tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường số tiền thiệt hại theo yêu cầu của các bị hại, đây là ý chí tự nguyện khắc phục hậu quả của bị cáo đối với các bị hại nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự và các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu bồi thường của các bị hại Huỳnh Thanh B, Vũ Thị L và Trần Thị T.

[6.2] Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà Trương Ngọc T và bà Nguyễn Thị C, xét thấy: Bà T yêu cầu bồi thường 4.000.000 đồng, bà C yêu cầu bồi thường 3.000.000 đồng. Mặc dù điện thoại của bà T, bà C có giá trị thực tế cao hơn so với số tiền các bị hại yêu cầu bồi thường nhưng mức yêu cầu bồi thường của các bị hại trong trường hợp này là hoàn toàn tự nguyện và không ảnh hưởng đến trách nhiệm của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận mức yêu cầu bồi thường của bà T, và bà C.

[6.3] Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà Nguyễn Thị N, xét thấy: Bà N yêu

cầu bồi thường thiệt hại với số tiền là 1.042.000 đồng đúng bằng với số tiền theo kết luận định giá tài sản số 49/BB KL ngày 11 tháng 9 năm của Hội đồng định giá UBND huyện Trần Văn Thoi, tỉnh Cà Mau nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà N.

[7] Đối với ông Trần Vũ L, quá trình điều tra và tài phiên tòa có căn cứ chứng minh ông L không liên quan đến việc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý là có căn cứ.

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án bị cáo Trương Thị Thu T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và $27.472.000 \text{ đồng} \times 5 \% = 1.373.600$ đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 48; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ vào các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Trương Thị Thu T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Trương Thị Thu T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo bồi thường cho bà Huỳnh Thanh B 6.690.000 (sáu triệu sáu trăm chín mươi ngàn) đồng;

Buộc bị cáo bồi thường cho bà Vũ Thị L 10.500.000 (mười triệu năm trăm ngàn) đồng;

Buộc bị cáo bồi thường cho bà Trương Ngọc T 4.000.000 (bốn triệu) đồng;

Buộc bị cáo bồi thường cho bà Nguyễn Thị C 3.000.000 (ba triệu) đồng;

Buộc bị cáo bồi thường cho bà Nguyễn Thị N 1.042.000 (một triệu không trăm bốn mươi hai ngàn) đồng;

Buộc bị cáo bồi thường cho bà Trần Thị T 2.240.000 (hai triệu hai trăm bốn mươi ngàn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Bị cáo Trương Thị Thu T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.373.600 (một triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND thị trấn Sông Đốc
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- CQ CSĐT Công an H. Trần Văn Thời;
- CC THADS huyện Trần Văn Thời;
- Phòng KTNV&THA tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hợp